

## VIỆT NAM TRONG NHỮNG THẬP KỶ ĐẦU THẾ KỶ XXI - MỤC TIÊU, CON ĐƯỜNG VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN

### Hoàng Chí Bảo

#### 1. Đổi mới và Hội nhập để phát triển và phát triển bền vững

Ở đầu thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI, Việt Nam đã đổi mới được 25 năm (1986-2011). Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (11-19/1/2011) đã tổng kết 25 năm đổi mới, trong đó có 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011), 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, thông qua Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và chiến lược mới phát triển kinh tế - xã hội tới năm 2020.

Việt Nam nhờ có đổi mới, phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường và chủ động hội nhập quốc tế mà đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, đã tạo ra và duy trì được tốc độ tăng trưởng, tăng cường được tiềm lực quốc gia, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đó chính là phương thức, là con đường cần phải thực hiện để tạo nền tảng đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020-2030.

Đổi mới và Hội nhập quốc tế để phát triển, hướng tới phát triển bền vững là một đòi hỏi tất yếu, một xu thế khách quan mà tình hình trong nước cũng như bối cảnh quốc tế và thế giới đặt ra đối với Việt Nam.

Đổi mới diễn ra bởi hàng loạt những cải cách, những sự thay đổi có tính cách mạng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nổi bật ở *kinh tế* và *chính trị*.

Khởi đầu của Đổi mới là đổi mới tư duy, nhận thức và ý thức xã hội nói chung mà trước hết là thay đổi tư duy kinh tế. Sâu xa là thay đổi tư duy về phát triển, dẫn tới những tìm tòi về mô hình, hệ giá trị mục tiêu, phát hiện các động lực của phát triển, từ đó mà đổi mới thể chế, chính sách và các giải pháp phát triển.

Đó là những nội dung cốt yếu của đổi mới và cải cách, diễn ra trong 25 năm qua cũng như hiện nay và chắc chắn còn tiếp tục diễn ra lâu dài.

Đổi mới thực sự là một quyết sách chiến lược mà chủ thể cầm quyền đưa ra từ giữa những năm 80 thế kỷ XX, đưa đất nước, con người và xã hội Việt Nam thoát ra khỏi những sức ỳ và sự trì trệ, tạo nên sự năng động và phát triển.

Chuyển sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh dân chủ hoá, mở cửa và hội nhập quốc tế - đó là những điểm mới từng bước định hình trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam, từ nhận thức đến hành động, từ đường lối đến chính sách. Những biến đổi có tính bước ngoặt này còn được thể hiện rõ trong cơ chế quản lý kinh tế, trong thể chế nhà nước và cải cách hành chính làm cho nhà nước

<sup>1</sup> GS.TS Triết học, Hội đồng Lý luận Trung ương

kết hợp hài hoà giữa phát triển cá nhân và phát triển cộng đồng. Để thực hiện sự phát triển phải tập trung phát triển sản xuất, phải làm cho kinh tế tăng trưởng, có những chuyển động tích cực về năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động và sản xuất - kinh doanh. Đây là điều kiện tối cần thiết để cải thiện và nâng cao dần mức sống của người dân, để ổn định chính trị và lành mạnh hoá đời sống xã hội.

Vấn đề là ở chỗ, phải đảm bảo lợi ích và phân phối công bằng lợi ích, thoả mãn những nhu cầu thiết yếu, hợp lý của người dân, tổ chức tốt cuộc sống dân cư bằng cách tăng cường chức năng xã hội, dịch vụ xã hội của nhà nước đối với người dân.

Trong đổi mới, Việt Nam coi trọng trước hết đổi mới kinh tế là vì vậy.

Khoán trong nông nghiệp ở nông thôn, đối với nông dân và hộ nông dân là bước đột phá mở đầu cách đây vừa đúng 30 năm mà cũng là thử nghiệm đầu tiên của Đổi mới.

Lợi ích của người lao động, trước hết là lợi ích vật chất, lợi ích kinh tế được thừa nhận và tôn trọng. Phải lấy lợi ích cá nhân làm tiền đề, làm cơ sở để thực hiện lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội cũng không phải là một cái gì đó trừu tượng, vô định mà nó phải hướng vào phục vụ con người một cách xác định, cụ thể, hiện thực.

Đổi mới đã tìm thấy động lực của phát triển là ở lợi ích. Đây chính là huyết mạch cảm nhất kích thích tính tích cực trong lao động của mỗi người, lôi cuốn mọi người vào lao động, quan tâm tới xã hội. Thực tế cho thấy, mọi người, mọi nhà nhanh chóng nhập cuộc với Đổi mới chỉ vì đổi mới đã đem lại lợi ích thiết thân cho họ, đổi mới còn mở ra *cơ hội* và *triển vọng* phát triển của mỗi người, nói rộng ra của cả xã hội và dân tộc.

Ở Việt Nam, câu nói nổi tiếng của Hồ Chí Minh thường được nhiều người nhắc đến, từ chính khách đến học giả, cho đến mọi người dân.

Câu nói đó là, chúng ta tranh đấu cho độc lập mà dân vẫn đói nghèo và lạc hậu, vẫn cực khổ, dốt nát (ý nói thất học, mù chữ) thì độc lập cũng chẳng để làm gì. Người còn nói, dân chỉ biết đến tự do, dân chủ khi dân được ăn no, mặc ấm.

Sức sống của cách mạng, của Đổi mới bắt nguồn từ những điều giản dị, thiết thực ấy.

Từ giữa thế kỷ XIX, vào năm 1845, Mác cùng với Ăngghen viết chung tác phẩm “Gia đình thần thánh”- phê phán sự phê phán có tính chất phê phán, trong đó, các ông đặt vấn đề: Tư tưởng dù có siêu việt đến đâu đi nữa cũng không làm nên được biến đổi gì. Tư tưởng muốn thành hiện thực, phải sử dụng những lực lượng vật chất. Bởi thế, tư tưởng mà tách rời khỏi lợi ích thì tự nó sẽ làm nhục bản thân nó, nghĩa là làm mất tín nhiệm của tư tưởng.

Luận điểm ấy của Mác-Ăng ghen sẽ còn giá trị mãi mãi và luôn có tính thời sự.

Nói về vai trò Nhà nước phải phục vụ xã hội, tức là số đông dân chúng Ăngghen cũng đã từng nhấn mạnh, Nhà nước (chuyên chính vô sản) một khi bắt lực trong việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế thì cũng chẳng còn tác dụng nào nữa. Ông cũng chủ trương muốn đưa nông dân vào hợp tác sản xuất thì phải làm cho họ được thuyết phục bằng lợi ích. Vì vậy không phải ép buộc họ mà để họ tự

nguyện. Ông đưa ra một triết lý thực tiễn, “hãy để cho người nông dân có thời gian suy nghĩ trên luống cày của họ”.

Thời nước Nga Xô Viết, khi chủ trương cải cách chủ nghĩa xã hội, với chính sách kinh tế mới (NEP), Lênin đã nhận ra lợi ích là vấn đề sống còn, không chỉ đối với mỗi người mà còn đối với cả chế độ. Bằng cách bãi bỏ chính sách cộng sản thời chiến, trưng thu lương thực để áp dụng thuế lương thực, cho phép nông dân sau khi làm nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước thì được tự do bán nông sản thực phẩm thừa trên thị trường. Công nhân và trí thức cũng phải được quan tâm tới lợi ích thì mới đòi hỏi được ở họ trách nhiệm xã hội.

Chính sách kinh tế mới của Lênin từ mùa xuân năm 1921 đã đánh dấu một đường lối mới - canh tân đất nước từ những đòn bẫy kinh tế. NEP đã nhanh chóng đưa nước Nga tới hồi sinh và Lênin được coi là nhà cách tân vĩ đại đầu tiên trong lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Sau khi Lênin mất, những tư tưởng cách tân đó đã không được duy trì. Việc chấm dứt NEP một cách vội vã được ví như sự rút máu ra khỏi cơ thể. Lời phê phán đó của một học giả Xô Viết khi Liên Xô còn chưa đổ vỡ là một sự phê phán sâu sắc, càng làm nổi bật tầm quan trọng của động lực lợi ích kinh tế. Nhận thức bài học này sẽ không bao giờ là cũ đối với phát triển xã hội.

Hiểu thấu điều đó, ngay trong những năm đầu xây dựng chế độ dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh đòi hỏi, phải làm ngay, làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có nhà ở, làm cho dân được học hành.

Đó là cả một *chương trình hành động thiết thực*. Đó cũng là phản ánh *một tầm nhìn*, nhìn từ thực tiễn, bắt đúng mạch tâm trạng xã hội, nhạy cảm với cuộc sống của người dân, lắng nghe được những hồi thúc từ đời sống hiện thực mà dự phóng tới tương lai.

Hệ giá trị của phát triển mà Hồ Chí Minh suốt đời theo đuổi là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Hệ giá trị ấy có trong nội dung “ba chủ nghĩa” của Tôn Trung Sơn mà Hồ Chí Minh sớm nhận ra tính hữu ích, thiết thực của nó. Đó là chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh. Logic của phát triển nằm ở đó: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

Ở đây, có cả lực đẩy (động lực), có cả mục tiêu phát triển, có cả chuỗi giá trị nhân văn của nó. Chuỗi giá trị này với đất nước, dân tộc và con người là tất yếu mà cũng là phổ biến.

Trở lại với vấn đề đổi mới để phát triển của Việt Nam thời đương đại trong bối cảnh toàn cầu hoá và trong xu thế hội nhập. Những tác nhân xã hội mang tính toàn cầu này dội vào Việt Nam một cách rất mạnh mẽ, nó là những xung lực của phát triển đối với Việt Nam, suốt 1/4 thế kỷ qua và hiện nay. Đổi mới tư duy ở Việt Nam có trong nó những nỗ lực tự vượt lên để tự định thành và tự khẳng định, nó cũng đồng thời là thái độ *khước từ cái đã lỗi thời để tiếp nhận cái mới, tiến bộ*. Một cách nói giản dị, quen thuộc là *chống* bảo thủ, giáo điều, trì trệ, duy ý chí chủ quan và *xây* cái mới, tiến bộ, hợp với phát triển, vừa hợp quy luật vừa hợp lòng dân, thuận theo ý dân. Hồ Chí Minh đã từng nói, hành động theo ý dân, không làm trái ý dân. Đổi mới tư duy của chủ thể lãnh đạo, của người dân, của cả xã hội như một cuộc hành trình nhận thức chân lý của cả dân tộc với vai trò tiên phong dẫn đạo

của Đảng để cách mạng hoá tư duy và tư tưởng, để mở đường cho cách mạng hoá hành động, tổ chức, thiết chế, thể chế, con người và xã hội.

Nó dần dần, từng bước một, ngày một rõ hơn *những bước chuyển* sau đây:

- Từ tách rời lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất sang chú trọng giải phóng lực lượng sản xuất, từ cách mạng quan hệ sản xuất đi trước đến một điều chỉnh lớn: Cách mạng sức sản xuất, phát triển LLSX hiện đại, dựa trên nền sản xuất hiện đại mà xây dựng QHSX tiên bộ, phù hợp. Từ tuyệt đối hoá sở hữu xã hội (công hữu, thuần nhất) đến đa dạng hoá các hình thức sở hữu, do đa dạng hoá các thành phần kinh tế trong kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường...

- Từ mô hình kinh tế hiện vật, tuyệt đối hoá kế hoạch tập trung quan liêu sang kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường, từ cơ chế thị trường (như một công cụ điều tiết) đến phát triển mạnh mẽ KTTT như một bản thể, một nền kinh tế hiện đại.

- Từ chỗ tuyệt đối hoá lợi ích xã hội, tách rời, xem nhẹ lợi ích cá nhân đến chỗ tôn trọng cá nhân và lợi ích cá nhân, lấy đó làm động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Từ tư duy bằng hiện vật chuyển sang tư duy theo kiểu giá trị, diễn ra từ nông dân đến mọi người dân.

- Từ phương thức quản lý mệnh lệnh, hành chính, tập trung quan liêu sang quản lý bằng luật pháp, thể chế pháp lý, dân chủ pháp quyền.

- Từ phân phối bình quân chia đều vừa trái với công bằng vừa thiếu động lực phát triển sang phân phối theo lao động, xoá bỏ bình quân, đa dạng hoá các hình thức phân phối, từ chỗ nhằm tưởng rằng chia đều, bình quân là công bằng sang chỗ *công bằng là không chia đều, chấp nhận chênh lệch, vượt trội, cạnh tranh*, đa dạng hoá hình thức sở hữu nên đa dạng hoá các hình thức phân phối, công bằng không dừng lại ở phân phối lợi ích mà sâu xa là *công bằng về cơ hội phát triển, gắn công bằng với bình đẳng*.

- Từ tách rời kinh tế với xã hội, nhìn nhận xã hội và chính sách xã hội như một sản phẩm thụ động, đầu tư xã hội như phần đầu tư “phụ gia” (sau kinh tế), một thứ “ăn theo” kinh tế, không sinh lãi... đến chỗ gắn liền và thống nhất kinh tế với xã hội, chính sách kinh tế với chính sách xã hội như một chỉnh thể. coi đầu tư cho các vấn đề xã hội là đầu tư theo chiều sâu, đầu tư sinh lãi và kích thích tăng trưởng, đầu tư đó là hợp với yêu cầu phát triển xã hội, là hợp lý, là chú trọng các giá trị nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những bước chuyển đó đã tạo ra sự thay đổi chính sách, tìm kiếm mô hình thích hợp đối với phát triển.

Từ công nghiệp hoá theo kiểu cũ, theo mô hình truyền thống Xô viết (công nghiệp nặng) sang công nghiệp hoá kiểu mới, thực hiện chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn, hướng về xuất khẩu, tranh thủ công nghệ tiên tiến, gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đây cũng là một bước chuyển quan trọng, bằng phương thức, con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà chuyển xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, từ nước nông nghiệp thành một nước công

nghiệp, có nền công nghiệp hiện đại. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là một quá trình kinh tế - kỹ thuật công nghệ mà còn là quá trình kinh tế - xã hội, sâu xa hơn là quá trình kinh tế - văn hóa, xây dựng xã hội văn hóa cao, chân hưng dân tộc tới trình độ một dân tộc thông thái, một xã hội văn hóa cao như kỳ vọng, khát vọng của Hồ Chí Minh.

Những bước chuyển đó, nhìn nhận một cách tổng hợp trên 3 chiều cạnh kinh tế - chính trị - xã hội, cho thấy trong những thập kỷ đầu của đổi mới, Việt Nam ở vào trạng thái *một xã hội quá độ với một nền kinh tế chuyển đổi*. Đây cũng là đặc trưng tổng quát của Việt Nam trong phát triển thông qua đổi mới và hội nhập.

Tuỳ thuộc vào thành tựu của đổi mới, vào hiệu quả và tác dụng của những cải cách mà xã hội quá độ tiến dần tới xã hội hiện đại, văn minh và nền kinh tế chuyển đổi sẽ hiện diện là một nền kinh tế thị trường hiện đại, vượt qua tính sơ khai, vượt qua những “hoang dã”, trở nên tích cực, lành mạnh, văn minh, nỗ lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu để khẳng định *thị phần* và *thương hiệu* Việt Nam.

Qua những bước chuyển như thế, tư duy mới, hiện đại về phát triển và con đường Việt Nam trong phát triển đi từ *định hướng* tới *định hình*, từ *phát triển* đến *phát triển bền vững*.

Đổi mới của Việt Nam qua thực tiễn và kinh nghiệm đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của phát triển trong điều kiện thế giới đương đại ngày nay mà Việt Nam là một bộ phận của thế giới đó. Việt Nam cùng với tất cả các nước trong khu vực và trên thế giới đều chịu tác động chi phối, sự chế ước của các mối quan hệ vừa *phụ thuộc* vừa *tuỳ thuộc* lẫn nhau nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá, tính đối đầu lưỡng cực kéo dài thời chiến tranh lạnh (Xô - Mỹ) đã bị thay thế bởi sự hình thành trật tự thế giới mới thời hậu Xô viết: đa cực, đa trung tâm.

Một xu hướng lớn đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XX mà tất cả các quốc gia - dân tộc đều phải nhận biết: hoà bình và hợp tác, cạnh tranh và đấu tranh, cùng tồn tại, cùng phát triển, cùng phải đối mặt với những vấn đề toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường bị huỷ hoại, biến đổi khí hậu đang đe dọa sự sống của con người trên trái đất.

Có thể nhận thấy những vấn đề lý luận đó. Nó bắt nguồn từ chính thực tiễn, được kiểm chứng bởi thực tiễn và cũng từ những trải nghiệm thực tiễn mà khái quát lên chứ không phải những suy lý tư biện chủ quan và giáo điều.

*Thứ nhất, phát triển lực lượng sản xuất là gốc của phát triển.* Không có lực lượng sản xuất phát triển thì cũng không có nền kinh tế hiện đại. *Chuyển sang mô hình kinh tế thị trường thay cho mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung là một tất yếu phổ biến.* Kinh tế thị trường, bất luận thuộc hình thức, kiểu loại nào cũng phải tuân theo quy luật thị trường. Đi vào KTTT thì hợp tác - cạnh tranh song phương, đa phương là cần thiết. Trong quan hệ giữa các nước, có thể và cần phải *không để những khác biệt ý thức hệ và thể chế trở thành rào cản phát triển.* KTTT có sức mạnh vượt qua những cản trở, trói buộc (tức là kìm hãm) lực lượng sản xuất phát triển. KTTT, tự nó chứa đựng tính tất yếu kinh tế để phát triển dân chủ, để xây dựng thể chế dân chủ văn minh với Nhà nước pháp quyền và sự đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý.

*Thứ hai*, lợi ích, trước hết là lợi ích kinh tế không chỉ là vấn đề của đời sống cá nhân con người mà còn là vấn đề của cộng đồng xã hội, của quốc gia - dân tộc. Chăm lo và bảo vệ lợi ích dân tộc là mối quan tâm hàng đầu của các nước, nó chi phối thể ứng xử trong quan hệ giữa các nhà nước và chính phủ. Ý thức dân tộc sẽ phát triển mạnh mẽ và chủ nghĩa dân tộc là một thực tế phải tính đến trong đời sống chính trị quốc gia và quốc tế.

Nếu xác lập được sự lành mạnh trong quan hệ giữa dân tộc và quốc tế thì chủ nghĩa dân tộc có thể là một động lực của phát triển.

*Thứ ba*, với tư cách là sự thể hiện *tầm nhìn* và *hành động*, đổi mới và cải cách để thực hiện các mục tiêu phát triển đòi hỏi phải đổi mới và cải cách *đồng bộ* cả kinh tế và chính trị, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị.

Để thúc đẩy đổi mới kinh tế, cần xác lập thể chế luật pháp dân chủ, chú trọng hiệu lực của Nhà nước pháp quyền mạnh, có thực lực và thực quyền, chuyển từ chỗ thiên về chức năng chính trị trước đây sang chỗ chú trọng nhiều hơn tới chức năng xã hội, dịch vụ xã hội vì dân sinh và an sinh. Cũng như vậy, hành lang pháp luật sẽ tạo khung khổ văn minh cho sự thực hiện dân chủ của cá nhân và dân chủ của xã hội, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các chủ thể cùng đại diện cho quyền lực của nhân dân, được dân uỷ thác. Đó là Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền và các tổ chức xã hội của dân.

Trong nền KTTT và trong NNQP, mọi công dân được phép làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, còn công chức trong các cơ quan công quyền chỉ làm những gì mà pháp luật cho phép. Mọi người, trong vị thế công dân của mình đều bình đẳng trước pháp luật.

Mọi hoạt động tham chính của cá nhân và tổ chức phải tuân thủ hiến pháp, pháp luật, phải *hợp hiến, hợp pháp, phải trọng dân và trọng pháp*.

Đó là một xã hội dân chủ, một nền dân chủ tích cực, dựa trên tính pháp lý và theo đuổi các giá trị nhân văn.

Chính trị dân chủ - pháp quyền và nhân văn vừa tạo động lực cho phát triển kinh tế vừa đảm bảo sức mạnh của chế độ. Sức mạnh ấy cũng là sự ủng hộ, sự bảo vệ từ phía người dân và cộng đồng xã hội, do chỗ người dân cảm nhận một cách thực tế rằng, nền chính trị ấy phục vụ cho họ, đem lại cho họ lợi ích và bảo vệ quyền dân chủ, làm chủ của họ.

*Thứ tư*, những sự vận động *đổi mới* và *tự đổi mới* trong nước trên mọi lĩnh vực tạo ra nguồn lực nội sinh của phát triển. Song trong thế giới ngày nay, sự phát triển của quốc gia - dân tộc không thể thực hiện được, càng không thể có triển vọng tích cực nếu không hướng tới thế giới, không hội nhập quốc tế. Phát triển trong biệt lập, khép kín, ốc đảo, thu mình lại trước một thế giới thống nhất trong đa dạng là *điều không thể*. Phát triển ngày nay cũng vượt qua kiểu phát triển tuyến tính, đơn trị mang tính biệt phái (chỉ trong một hệ thống như hệ thống XHCN với mô hình Xô viết trước đây). Nó đòi hỏi đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ hợp tác cũng như cạnh tranh.

Đòi hỏi ấy, đặt đổi mới, cải cách đi liền với mở cửa, hội nhập. Hội nhập không chỉ kinh tế mà còn là giao lưu, hợp tác, đối thoại văn hóa để phát triển bằng con đường tiếp biến, thu hút những tinh hoa từ bên ngoài làm phong phú bên trong. Đó là điều *cần thiết* và *có thể*.

*Thứ năm*, phát triển kinh tế, chính trị, xã hội thông qua đổi mới, cải cách, xét theo quy mô tổng hợp, tính hệ thống chính thể của nó lại là một *chiều sâu văn hóa*. Đổi mới để hiện đại hoá phải dựa trên nền tảng truyền thống và giữ gìn bản sắc dân tộc từ truyền thống.

Mọi sự suy yếu của truyền thống và đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc mình đều dẫn tới nguy cơ phản phát triển. Hội nhập quốc tế là tất yếu, tiếp biến văn hóa để phát triển là cần thiết nhưng đồng nhất văn hóa dân tộc mình với văn hóa của các dân tộc khác là điều *không thể có*; bảo đảm sự thống nhất trong đa dạng, giữ vững truyền thống và bản sắc dân tộc là điều *tối cần thiết* để hội nhập và phát triển.

*Thứ sáu*, phát triển bền vững trong tiến trình hiện đại hoá không thể không tính đến độ an toàn của môi trường, môi sinh, sự lành mạnh của môi trường xã hội - nhân văn, hướng đích vào *sự phát triển bền vững con người*, đảm bảo cho cuộc sống, quyền sống, quyền tự do, hạnh phúc của con người, của các thế hệ hiện nay và các thế hệ mai sau.

Kỷ nguyên mới của cách mạng khoa học - công nghệ, sự hình thành xã hội thông tin đã làm thay đổi căn bản chất lượng của sản xuất, của hoạt động kinh tế và kinh doanh.

Cùng với bảo vệ môi trường, gìn giữ hoà bình, an ninh, phải chú trọng nâng cao không ngừng tiềm lực trí tuệ của dân tộc.

Chất xám, hàm lượng trí tuệ là đầu vào của sản xuất và kết tinh trong mọi sản phẩm hàng hóa theo đà phát triển của kinh tế tri thức hiện nay.

Khai thác nguyên liệu thô, có sẵn trong tự nhiên, không phát triển mạnh công nghiệp chế biến và công nghệ tinh chế là *con đường ngắn nhất đưa nền kinh tế dân tộc tới ngõ cụt của phát triển*. Nó đẻ ra những hệ lụy mà các thế hệ sau phải chịu đựng. Một triết lý của phát triển bền vững là tìm kiếm mô hình phát triển *hài hoà* giữa kinh tế - xã hội và môi trường. Phát triển của hiện tại phải chuẩn bị cho phát triển trong tương lai. Xây dựng văn hóa môi trường, môi sinh, trong đó con người sống hài hoà, thân thiện với tự nhiên, không làm tổn thương tự nhiên, không tự huỷ hoại sự sống của chính mình, để lại những hoang mạc do đối xử với tự nhiên, khai thác tự nhiên *bên ngoài văn hóa*. Đó là yêu cầu của triết lý phát triển bền vững.

*Thứ bảy*, phát triển và phát triển bền vững lấy phát triển con người làm trung tâm. Con người chẳng những là *mục tiêu, động lực* mà còn là *chủ thể* của phát triển.

Nguồn nhân lực, vốn con người là thành phần quan trọng và quyết định nhất trong vốn xã hội của phát triển.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những đột phá để phát triển ở nước ta trong những thập kỷ tới cùng với những đột phá về thể chế, trong đó có thể chế kinh tế thị trường và hạ

tăng kỹ thuật để có thể đẩy mạnh công nghiệp hoá, thực hiện chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn để hiện đại hoá xã hội.

Ba đột phá đó nhằm giải quyết ba điểm nghẽn của phát triển hiện nay: thể chế chưa minh định và hoàn thiện, chất lượng nhân lực yếu kém và hạ tầng kỹ thuật bất cập. Phát triển con người và nguồn nhân lực phải chú trọng cả cá thể lẫn cộng đồng, trên các phương diện thể lực, trí lực và tâm lực. Muốn vậy phải đồng thời coi khoa học - công nghệ và giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu. Phải cụ thể hoá tư tưởng chiến lược này thành chính sách và giải pháp, nhất là các chính sách và giải pháp tạo động lực phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

Chấn hưng giáo dục để chấn hưng dân tộc. Thành hay bại trong phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế tùy thuộc một phần lớn ở thành hay bại trong cuộc chấn hưng giáo dục, phát triển khoa học - công nghệ.

Không nên quên rằng, trong xã hội học tập và kinh tế tri thức thì, sau thực phẩm, giáo dục là thức ăn tinh thần của mỗi dân tộc. Chất lượng giáo dục - đào tạo dẫn tới chất lượng nguồn nhân lực.

*Thứ tám*, đổi mới dựa trên một triết lý mới: *Giải phóng - Sáng tạo để Phát triển*. Đó là giải phóng sức sản xuất và giải phóng tinh thần, ý thức xã hội. Giải phóng sức sản xuất dẫn đến phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế thị trường và áp dụng cơ chế thị trường. Giải phóng tinh thần và ý thức xã hội dẫn đến cuộc vận động dân chủ hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kinh tế thị trường mang sức mạnh của dân chủ hoá kinh tế cũng như Nhà nước pháp quyền là kết quả của dân chủ hoá chính trị.

Kinh tế thị trường và Nhà nước pháp quyền là kết quả hợp lô gích của đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam.

Sức mạnh giải phóng tạo ra những lực đẩy để phát triển. Muốn thực hiện giải phóng và thúc đẩy phát triển cần những năng lực sáng tạo, kết tinh trí tuệ, khơi dậy sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc.

*Thứ chín*, đổi mới để phát triển và hội nhập quốc tế nhằm phát triển bền vững và hiện đại hoá xã hội Việt Nam cần phải xử lý đúng các mối quan hệ. Đó là quan hệ giữa Đổi mới - Ổn định và Phát triển. Đây là quan hệ bao trùm, chú trọng từ chính thể vĩ mô đến tận những vi mô là cơ sở. Cần đổi mới toàn diện, đồng bộ và có những bước đi thích hợp. Cần ổn định tích cực, cần có những đảm bảo kinh tế cho ổn định chính trị tích cực cũng như cần có những đảm bảo chính trị cho phát triển kinh tế thị trường đúng hướng. Cần phát triển bền vững, cả chất lượng tăng trưởng kinh tế lẫn chất lượng nhân văn xã hội để không dẫn tới chệch hướng, không rơi vào phản phát triển.

Đó còn là quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo vệ môi trường, giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Giải quyết thành công các mối quan hệ đó là một trong những cốt yếu lý luận - thực tiễn, tức là *tâm nhìn* và *hành động* của đổi mới.



*Lý luận đổi mới ở Việt Nam trùng hợp từ bản chất với lý luận về định hướng XHCN, về CNXH Việt Nam và xây dựng CNXH ở Việt Nam. Đó cũng là lý luận phát triển và hiện đại hoá xã hội Việt Nam.*

*Thứ mười, Kiến tạo xã hội mới thông qua đổi mới như đã nêu trên, xã hội cần đến một nền tảng tinh thần làm điểm tựa. Đó là ý thức hệ để định hướng lý tưởng, mục tiêu, hệ giá trị của phát triển, tạo niềm tin khoa học trong nhân dân, thống nhất nhận thức, quy tụ ý chí và hành động trong Đảng, trong dân và trong toàn xã hội. Ý thức hệ đó chính là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong Cương lĩnh, chiến lược, trong thể chế của Nhà nước pháp quyền, trong vận động dân chủ hoá và thực hiện công bằng xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó là chủ nghĩa Mác-Lênin được nhận thức lại, nhận thức mới, khắc phục tình trạng giáo điều, biệt phái, chủ quan duy ý chí, trở lại đúng chân giá trị của nó với bản chất khoa học và cách mạng. Đó là tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, vận dụng đúng, phát triển sáng tạo những giá trị đích thực của Mác-Lênin, kết hợp với tinh hoa truyền thống dân tộc và thời đại. Ý thức hệ chủ đạo đó là cơ sở tư tưởng, lý luận CNXH Việt Nam.*

Từ tất cả những điều đã trình bày trên, có thể tóm tắt và khái quát lại về mục tiêu, con đường và mô hình phát triển của Việt Nam trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI.

**\* Mục tiêu thể hiện bản chất của đổi mới để phát triển của Việt Nam** là dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Nhân dân là chủ thể sáng tạo và hành động để thực thi đổi mới, là chủ thể gốc của quyền lực, dân uỷ quyền cho Nhà nước với tư cách người chủ và làm chủ. Nhân dân - từ cá nhân đến cộng đồng còn là chủ thể thụ hưởng chính đáng lợi ích, đạt tới tự do và hạnh phúc.

CNXH Việt Nam thấm nhuần tính nhân dân, sức mạnh cố kết, đoàn kết của dân tộc, sức mạnh đồng thuận xã hội, tính dân chủ, lợi ích và chủ quyền dân tộc, đó là sức mạnh tổng hợp để thực hiện hệ giá trị phát triển Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**\* Con đường thực hiện phát triển của Việt Nam**, thể hiện tính quy luật của sự phát triển ấy là Độc lập dân tộc và CNXH, ĐLDT gắn liền với CNXH. Đó là con đường quá độ tới CNXH, *bỏ qua chế độ TBCN.*

Trong điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam với tác động, ảnh hưởng của thời đại và thế giới đương đại, con đường đó là *con đường của đổi mới, mở cửa và hội nhập, con đường đón kịp lấy thời cơ và vượt qua những thách thức của phát triển.*

**\* Mô hình phát triển của Việt Nam**, phản ánh những phương hướng cơ bản và những nhiệm vụ chủ yếu phải giải quyết để thực hiện mục tiêu là:

- *Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại, nền kinh tế độc lập tự chủ, phấn đấu trở thành một nước công nghiệp thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.*

- *Xây dựng một xã hội dân chủ với thể chế nhà nước pháp quyền* để thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ của người dân. Thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội.

- *Xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc* vừa giữ vững truyền thống và bản sắc vừa tiếp biến được thành tựu và tinh hoa của văn hóa nhân loại.

- *Bảo vệ môi trường tự nhiên, lành mạnh hoá môi trường xã hội* để phát triển bền vững xã hội, chế độ, phát triển bền vững con người.

- *Đảm bảo sự vững mạnh, trong sạch của Đảng lãnh đạo và cầm quyền*, tiêu biểu cho tinh hoa trí tuệ của dân tộc, có sức mạnh từ cơ sở xã hội ổn định và bền vững, dẫn dắt dân tộc phát triển, đưa dân tộc Việt Nam trở thành một dân tộc văn minh, hiện đại trong cộng đồng thế giới nhân loại.

## **2. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đổi mới, nâng cao tiềm lực khoa học xã hội nhân văn để xây dựng chủ thuyết phát triển Việt Nam.**

Những vấn đề nêu trên chính là nội dung cơ bản của chủ thuyết phát triển Việt Nam trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Có thể nói, đây là chủ thuyết phát triển Việt Nam trong thời kỳ đương đại.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, hàng nghìn năm, ông cha ta qua các triều đại phong kiến trong quá khứ đã từng tỏ rõ những chính kiến, những chủ kiến của mình, thực thi đường lối an dân trị quốc, đã để lại cho các thế hệ sau di sản tư tưởng, văn hóa phong phú, đặc sắc.

Dù không trực tiếp nêu thành chủ thuyết nhưng tư tưởng và triết lý của ông cha ta thực sự có tầm vóc, có tính chất và ý nghĩa về một chủ thuyết phát triển.

*Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn, đặt nền móng cho Thăng Long và Đại Việt phát triển rực rỡ huy hoàng tới hàng nghìn năm là một chủ thuyết. Nó mang hình thức là một thông điệp phát triển, gửi tới muôn dân, đương thời và hậu thế.

*Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn đã thức tỉnh tinh thần và ý thức xã hội trước những thử thách hệ trọng, quyết liệt của lịch sử dân tộc.

*Cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi là một văn kiện lịch sử, tổng kết sự nghiệp đánh đuổi giặc Minh của phong kiến phương Bắc, giữ gìn độc lập chủ quyền, nêu cao văn hoá và văn hiến Việt Nam. Đó còn là một thông điệp về hoà bình, về tinh thần khoan dung văn hóa mà cũng tỏ rõ mưu lược sáng suốt, mềm dẻo, khoan hoà trong đường lối, chính sách ngoại giao thời bấy giờ.

*Quang Trung với chiến lược thần tốc đánh đuổi quân Thanh*, đem lại chiến công hiển hách và khi lên ngôi Hoàng đế đã tỏ rõ *điều căn bản trong chính trị cầm quyền là chăm lo bồi dưỡng, sử dụng, trọng đãi hiền tài. Đó cũng là một chủ thuyết.*

Thời hiện đại, ở tầm vạch thời đại, Hồ Chí Minh đã tỏ rõ chủ thuyết của mình: giải phóng dân tộc để phát triển dân tộc, thực hiện độc lập dân tộc và CNXH.

Chủ thuyết phát triển Hồ Chí Minh gắn liền với học thuyết giải phóng, và triết lý nhân sinh, cũng đồng thời là một triết lý hành động của Người.

Người đã từng nêu lên những tư tưởng lớn biểu đạt cái tối đa của tư tưởng trong một hình thức tối thiểu của ngôn từ, có khi chỉ cô đọng vào một câu, đó là cốt yếu trong thông điệp của Người. Ví dụ: “Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường” (1951).

“Thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ” (1945).

“Không có gì quý hơn Độc lập Tự do” (1965).

Và trong Di chúc: “Xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (1965-1969).

Riêng về Đảng cầm quyền, Người chủ trương xây dựng một Đảng chân chính cách mạng với 12 điều, chỉ có 456 từ. Đó chính là chủ thuyết Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền.

Người cũng có chủ thuyết về Dân chủ và Dân tộc. Người cũng đồng thời có lý luận Đạo đức học, đó là những chuẩn mực đạo đức: Cần kiệm liêm chính. Đảng Cộng sản Việt Nam, 81 năm lịch sử, với 66 năm cầm quyền, trải qua XI Đại hội, đã 4 lần xây dựng Cương lĩnh (Cương lĩnh của Nguyễn Ái Quốc 1930 với tên gọi Chính cương sách lược vắn tắt, Cương lĩnh cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới 10/1930 do Trần Phú khởi thảo, Cương lĩnh 1951 tại Đại hội II, Cương lĩnh 1991 tại Đại hội VII và gần đây là Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, được Đại hội XI thông qua.

Dù Đảng ta chưa bao giờ sử dụng khái niệm chủ thuyết nhưng trên thực tế, các văn kiện Cương lĩnh đó chính là *chủ thuyết của Đảng* hoặc ít ra cũng là ở tầm chủ thuyết, có tính chủ thuyết. Từ khi lập Đảng đến khi lập nước chỉ có 15 năm. Và trong các Cương lĩnh - Chủ thuyết, Đảng và Hồ Chí Minh đã nhìn thấu suốt con đường đi của cách mạng Việt Nam, nhất quán sự lựa chọn con đường phát triển Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN, quá độ tới CNXH. Với lý luận đổi mới, qua Cương lĩnh, chiến lược, Nghị quyết, Đảng đã thể hiện rõ chủ thuyết của mình với tư cách một Đảng cầm quyền.

Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nâng cao tiềm lực khoa học xã hội - nhân văn để góp phần xây dựng chủ thuyết phát triển vào lúc này, vừa có ý nghĩa đối với Đảng cầm quyền, vừa mở ra một hướng nghiên cứu mới về học thuật, chính trị và tư tưởng ở nước ta.

Đó như một tuyên bố (tuyên ngôn) chính trị, một thông điệp phát triển mà Đảng gửi tới nhân dân và dân tộc mình, tới bạn bè quốc tế, tỏ rõ lập trường, quan điểm, nguyên tắc của Đảng, của cách mạng Việt Nam.

Đó cũng là định hướng mục tiêu, con đường, mô hình phát triển Việt Nam trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI, trong bối cảnh quốc tế và xu hướng phát triển của thế giới ngày nay.

Nghiên cứu chủ thuyết phát triển, thể hiện những nhận thức mới về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về CNXH sinh thành trong đổi mới, *định hướng và định hình CNXH Việt Nam*. Đây cũng là *lý luận CNXH hiện thực mới của Việt Nam, lý luận đổi mới và hiện đại hoá, lý luận phát triển bền vững của Việt Nam*. Nổi bật nhất là đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, là phát triển dân tộc Việt Nam thành một dân tộc thông thái, xã hội Việt Nam là một xã hội văn hóa cao (Hồ Chí Minh), con người Việt Nam trí tuệ, đạo đức, nhân cách và bao dung, cộng đồng Việt Nam trong nước

cũng như ở nước ngoài hợp tác, đoàn kết, đồng thuận để phát triển. Đó là nét mới trong nghiên cứu lý luận phát triển ở Việt Nam hiện nay./.